

Số:
99_8888/2016/MÔ_PHÒNG

Hà Nội, ngày ee tháng ff năm 2016

MÔ PHÒNG THÔNG TƯ

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
phí Chứng nhận kinh doanh thương mại thủy sản**

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 8888/2016/MÔ_PHÒNG ngày aa tháng bb năm 2016 của Chính phủ về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí Chứng nhận kinh doanh thương mại thủy sản như sau:

Điều 1. Người nộp phí

Tổ chức, cá nhân khi đăng ký hợp đồng xuất khẩu sản phẩm thủy sản với Food Safety Agency phải nộp phí Chứng nhận kinh doanh thương mại thủy sản theo quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Cơ quan thu phí

Food Safety Agency có trách nhiệm tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí Chứng nhận kinh doanh thương mại thủy sản theo quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Mức thu và phương thức nộp phí

1. Mức thu phí Chứng nhận là 100.000 đồng/01 hợp đồng xuất khẩu/01 lần Chứng nhận. Mức phí đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

2. Tổ chức, cá nhân nộp phí bằng tiền mặt, chuyển khoản hoặc thanh toán trực tuyến vào tài khoản của Food Safety Agency.

Điều 4. Quản lý, sử dụng phí

Phí Chứng nhận kinh doanh thương mại thủy sản là khoản thu không thuộc ngân sách nhà nước. Food Safety Agency được quản lý và sử dụng phí thu được để trang trải chi phí cho việc Chứng nhận, thu phí; sau khi đã nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày pp/qq/2016.

2. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, công khai chế độ thu phí Chứng nhận kinh doanh thương mại thủy sản không quy định tại Thông tư này, được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002, Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ; Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế khác (nếu có).

3. Tổ chức, cá nhân và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính, Cục Thuế thành phố Cần Thơ;
- Food Safety Agency;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu VT, CST (CST 5).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)